

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01/6/2021
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Quảng và bà Bùi Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Trần Văn C**; sinh năm: 1970; địa chỉ: Tổ 1, khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**; sinh năm: 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: 134/6 đường H, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt (có Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 11 tháng 3 năm 2021 nộp tại Tòa án; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Tây, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng ở địa chỉ: Tổ 1, khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung giữa hai vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do hai vợ

chồng làm ăn khó khăn nên thường xảy ra tranh cãi, xích mích, kinh tế gia đình không tập trung. Anh Trần Văn C đã tìm mọi cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả vì hai vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng căng thẳng từ năm 2018 nên anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người sống ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng giảm sút. Trong thời gian sống ly thân, hai vợ chồng đều không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Anh Trần Văn C xác định đến nay mâu thuẫn giữa Anh và chị Nguyễn Thị T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T có một con chung là Trần Quỳnh O, sinh ngày 10/12/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và có khả năng lao động, anh Trần Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Anh Trần Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và giải quyết những vấn đề khác có liên quan đến nội dung của vụ án nhưng đều vắng mặt. Tại Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 21 tháng 4 năm 2021, chị Nguyễn Thị T có quan điểm thể hiện về quá trình kết hôn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng và con chung đúng như nội dung phần trình bày của anh Trần Văn C đã nêu ở trên. Chị Nguyễn Thị T thể hiện quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian sống ly thân, chị Nguyễn Thị T nhận thấy hai vợ chồng thực sự không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay anh Trần Văn C có yêu cầu xin ly hôn, chị Nguyễn Thị T đồng ý ly hôn để hai người ổn định cuộc sống; về con chung: hiện nay con chung của anh chị là Trần Quỳnh O, sinh ngày 10/12/2002 đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và có khả năng lao động, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với trưởng khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh thể hiện nội dung về quá trình chung sống và tình trạng sống ly thân của vợ chồng anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T đúng như phần trình bày của các đương sự đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng và đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đánh giá mâu thuẫn giữa anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T là trầm trọng, kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận Đơn khởi kiện của anh Cao, anh Trần Văn Cao được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào yêu cầu khởi kiện; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt và có Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Tây, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình nhà chồng ở địa chỉ: Tổ 1, khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do hai vợ chồng đi làm xa nhau, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bồi dưỡng tình cảm vợ chồng. Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T đã có thời gian sống ly thân từ năm 2018 đến nay, hai bên đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng anh Trần Văn C, chị T đã được gia đình, người thân, động viên, hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh Trần Văn C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T để ổn định cuộc sống. Xét yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T có một con chung là Trần Quỳnh O, sinh ngày 10/12/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Trần Văn C về việc xin ly hôn.

1. Anh Trần Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Buộc anh Trần Văn C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005757 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Anh Trần Văn C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Anh Trần Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quyền